

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Anh Thư

Bà Nguyễn Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Thu T**, sinh năm 1992 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Tổ .., phường Đ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Cư trú tại: .. chung cư .., khu đô thị K, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Hải N**, sinh năm 1985 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: .., chung cư .., phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu T trình bày: Chị và anh Vũ Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn V, xã Tt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Đến đầu năm 2019 thì chung sống tại .., chung cư .., phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ anh N. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đỉnh điểm là đến ngày 01/02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng vì cách xử sự, hành động của anh N không đúng với chị, với bố mẹ chị và họ hàng nhà chị. Nguyên nhân chính mâu thuẫn vợ chồng là do chị và anh N không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề, va chạm về lối sống, suy nghĩ, nên những cuộc cãi vã thường xuyên xảy ra. Nhiều lần anh N đặt điều, chửi bới, đe dọa chị bằng từ ngữ khó nghe khiến chị sợ hãi. Mặc dù chị có nói chuyện, trao đổi bình thường với anh N nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Việc anh N cho rằng do anh N thu nhập thấp dẫn đến mâu thuẫn là không có. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bố chị có đến nhà anh N để nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn nhưng không gặp anh N mà chỉ nói chuyện được với mẹ anh N, nhưng cũng không giải quyết được mâu thuẫn, anh N nhắn tin không hay với bố chị. Từ cuối tháng 02/2020 thì chị và con ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Hải N.

- Về con chung: Chị và anh Vũ Hải N có 01 con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 22/5/2018. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Bảo A và không yêu cầu anh Vũ Hải N cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm nhân viên Ngân hàng Quốc dân, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị và anh Vũ Hải N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác nhận chị và anh Vũ Hải N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Vũ Hải N trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị Thu T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn V, xã T, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến đầu năm 2019 thì chung sống tại .., chung cư .. phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ anh. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không hợp với họ hàng bên nhà chị T, gia đình chị T có ép anh uống bia rượu nên anh không thích. Ngoài ra, do anh thu nhập thấp, công việc không ổn định dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng cũng thường xảy ra cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống.

Từ tháng 02/2020 thì chị T và con bỏ ra ngoài sinh sống. Anh cũng có chủ động gọi điện cho chị T để mong gặp gỡ, hàn gắn, mong chị T quay về nhưng chị T không cho anh cơ hội, anh có nhắn tin xin lỗi bố mẹ chị T nhưng bố mẹ chị T cũng không trả lời. Mẹ anh cũng có khuyên giải vợ chồng anh nhưng không giải quyết được mâu thuẫn gì. Khi chị T bỏ ra ngoài sống thì anh cũng có lần chửi bới, đe dọa chị T vì anh không đồng ý cho chị T bỏ ra ngoài.

Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng không đến mức trầm trọng để ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn chị T vì vẫn còn tình cảm với chị T. Nếu trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh xác nhận anh và chị T có 01 con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 22/5/2018. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý để chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Bảo A vì cháu A còn nhỏ, dưới 3 tuổi cần mẹ chăm sóc. Sau này khi có điều kiện thì anh sẽ chu cấp cho con sau.

Hiện anh đang làm ở Công ty tư nhân, thu nhập trung bình là 1.700.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh xác nhận anh và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác nhận anh và chị T không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thu T trình bày: mâu thuẫn giữa chị và anh N đã trầm trọng, chị và anh N không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ cuối tháng 02/2020 đến nay, chị không thể quay về chung sống với anh N nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh N; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Bảo A và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Vũ Hải N xác định mâu thuẫn giữa anh và chị T là do tính cách không hợp, mâu thuẫn khó có khả năng hàn gắn, anh không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, nhưng anh không đồng ý ly hôn chị T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N; giao con chung là cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 22/5/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị Thu T có đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2020 về việc xin ly hôn anh Vũ Hải N. Anh N cư trú tại: ..., chung cư ..., phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án “Ly hôn” giữa nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thu T và bị đơn là anh Vũ Hải N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Vũ Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại thôn V, xã T, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, đến đầu năm 2019 thì chung sống tại ..., chung cư ..., phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 02/2020 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Anh N cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh không đồng ý ly hôn chị T vì vẫn còn tình cảm với chị T.

Căn cứ vào lời trình bày của chị T, anh N và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, thấy rằng: quá trình chung sống anh, chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp. Từ cuối tháng 02/2020 đến nay anh, chị sống ly thân, mỗi người mỗi nơi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để chị T và anh N có cơ hội trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mong muốn vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa hôm nay anh N cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa anh và chị T khó có khả năng hàn gắn, anh không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau ...*”. Hội đồng xét xử xét thấy: tình trạng hôn nhân của chị T và anh N đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: chị T và anh N xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 22/5/2018, hiện đang ở với chị T.

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu phải ly hôn, anh N cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: thực tế hiện nay cháu A vẫn đang ở ổn định với chị T từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu A cũng mới hơn 2 tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ và cũng phù hợp với yêu cầu của chị T và ý kiến của anh N đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: chị T và anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: chị T và anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự chị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Thu T đối với anh Vũ Hải N.

Chị Hoàng Thị Thu T được ly hôn anh Vũ Hải N.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Vũ Hải N có 01 con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 22/5/2018.

Giao con chung là cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 22/5/2018 cho chị Hoàng Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Vũ Hải N cho đến khi chị Hoàng Thị Thu T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Vũ Hải N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Vũ Hải N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

4. Về nợ chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Vũ Hải N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005533 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

6. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Thu T, anh Vũ Hải N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (GCNKH số 113 ngày 29/12/2016);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh